

Bản án số: 46/2026/HS-PT
Ngày 25-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Phạm Hữu Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 20/2026/TLPT-HS ngày 04 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Phạm Kiên A** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Kiên A, sinh ngày 03 tháng 03 năm 1999 tại Hải Phòng; nơi cư trú: **Khu dân cư D, phường P, thành phố Hải Phòng**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Nam A1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16/9/2025, chuyển tạm giam ngày 19/9/2025; có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Bị hại: Anh **Vũ Công T**, sinh năm 1981; nơi cư trú: **Số H Đ, phường K, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Thanh Bảo N1**, sinh năm 2013; địa chỉ: **Khu A, phường T, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thanh Bảo N1: Anh **Phạm Cường A2**, sinh năm 2002; nơi cư trú: **Khu dân cư D, phường P, thành phố Hải Phòng** (là người giám hộ); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Kiên A có bố đẻ là **Phạm Nam A1**, sinh năm 1971 và mẹ là **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1977. Năm 2010, bố mẹ **Kiên A** ly hôn, đến năm 2012, bà **N** kết hôn với chồng mới là ông **Bùi Đức M**, sinh năm 1968, nơi thường trú: **tổ Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K) thành phố Hải Phòng**. Sau đó hai người chuyển đến sinh sống tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 15 **Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng**. Năm 2020, ông **M** chết, để lại ngôi nhà trên cho **Bùi Thanh Bảo N1**, sinh năm 2013 (**N1** là con chung của ông **M** và bà **N**) nhưng bà **N** là người quản lý do **N1** vẫn còn nhỏ tuổi. Đến năm 2023, bà **N** đi nước ngoài sinh sống và cho **Phạm Kiên A** sinh sống ở căn nhà này.

Khoảng cuối năm 2024, **Phạm Kiên A** chơi chứng khoán thua lỗ và nợ tiền bạn bè, số tiền khoảng 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Lúc này **Phạm Kiên A** nảy sinh ý định bán ngôi nhà của bà **N** cho ở nhờ để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Để thực hiện được việc trên, **Kiên A** đăng bài trên hội nhóm mạng xã hội Facebook bán ngôi nhà trên với giá 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ngày 25/3/2025, anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1993, chỗ ở hiện nay: **ngõ A P, B, phường K, thành phố Hải Phòng** (làm nghề môi giới nhà đất) có đọc được bài viết trên nên đã liên lạc với **Kiên A** để hỏi thông tin và môi giới bán nhà. **Kiên A** đồng ý và hứa trả cho anh **Q** số tiền hoa hồng môi giới là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Sau đó, anh **Q** đến địa chỉ ngôi nhà trên để chụp ảnh đăng bài bán nhà trên mạng xã hội thì anh **Vũ Công T**, sinh năm 1981; nơi thường trú: **tổ Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng** đọc được bài đăng trên và liên hệ với anh **Q** để hỏi mua ngôi nhà. Anh **Q** có gửi vị trí ngôi nhà để anh **T** đến xem. Khi đến xem đất, anh **T** có gặp **Kiên A**, **Kiên A** tự giới thiệu là chủ sở hữu ngôi nhà và được mẹ đẻ cho, đất không có giấy tờ, có đóng thuế, mua bán vi bằng, muốn bán ngôi nhà với giá 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Đến chiều ngày 25/3/2025, anh **T**, anh **Q** đến gặp **Kiên A** tại **Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng** để thỏa thuận mua ngôi nhà **Kiên A** đăng bán.

Sau khi thống nhất, **Kiên A** và anh **T** chốt giá mua bán mảnh đất và ngôi nhà trên đất với giá 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng, **Kiên A** có trách nhiệm làm thủ tục trích đo đất tại Ủy ban phường **Đ** rồi cung cấp cho anh **T**. Anh **T** dùng số tài khoản 0837390390 mở tại Ngân hàng **S** mang tên VU CONG THANH chuyển số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền cọc vào số tài khoản 9188686888 mở tại Ngân hàng **Q1** mang tên PHAM KIEN ANH. Anh **T** yêu cầu **Kiên A** cung cấp giấy trích đo phường mảnh đất trên thì sẽ thanh toán hết số tiền còn lại là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. **Kiên A** đồng ý. Sau đó, anh **Q** viết hợp đồng đặt cọc để anh **T**, **Kiên A** ký xác nhận, **Q** ký người làm chứng.

Khoảng 03 ngày sau, anh **T** biết thông tin ngôi nhà **Kiên A** bán cho mình thuộc quyền sở hữu của bà **N** (mẹ đẻ **Kiên A**) nên anh **T** liên lạc với anh **Q** để yêu cầu **Kiên**

A cung cấp giấy uỷ quyền của bà N đồng ý cho Kiên A bán ngôi nhà trên và giấy tờ pháp lý của bà N và ông M, Kiên A đồng ý. Sau đó, căn cứ vào nội dung giấy uỷ quyền trước đó bà N gửi cho Kiên A làm thủ tục xác nhận độc thân để làm giấy tờ sang Mỹ. Kiên A tự đánh máy giấy uỷ quyền với nội dung là bà N uỷ quyền toàn bộ quyền và pháp lý cho Kiên A đại diện kí kết bán nhà tại địa chỉ: tổ Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K) thành phố Hải Phòng. Sau đó, Kiên A đã nhờ một người phụ nữ (không rõ lai lịch) ký tên bà N vào bên uỷ quyền, còn Kiên A ký vào bên được uỷ quyền. Kiên A dùng điện thoại chụp giấy uỷ quyền, căn cước công dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn của bà N và ông M, giấy chứng tử của ông M gửi qua ứng dụng Zalo cho anh Q để Q gửi cho anh T. Anh T yêu cầu Kiên A cung cấp trích đo mảnh đất trên và hẹn ngày ra Văn phòng thừa phát lại để làm vi bằng mua bán ngôi nhà và thanh toán số tiền còn lại như trong hợp đồng đặt cọc. Do không làm được trích đo đất tại Ủy ban phường Đ vì không phải là chủ đất, không đầy đủ giấy tờ pháp lý nên Kiên A đã trao đổi với anh T làm trích đo Công ty, anh T đồng ý. Kiên A liên lạc đến Công ty cổ phần T1, địa chỉ: số A B, phường M, quận N (nay là phường N), thành phố Hải Phòng để thuê đo đạc đất. Khoảng một tuần sau, Kiên A nhận được giấy tờ đo đạc có dấu đỏ của Công ty T1. Sau khi có giấy đo đạc đất, Kiên A và anh T hẹn ngày đi làm vi bằng mua bán nhà đất. Ngoài ra, anh T có yêu cầu Kiên A đi cùng anh em ruột đến làm chứng việc mua bán nhà để tránh việc tranh chấp.

Ngày 25/4/2025, Kiên A cầm giấy uỷ quyền, trích đo đất cùng anh T, anh Q và Phạm Cường A2, sinh năm 2002; nơi thường trú: D, phường P, thành phố Hải Phòng (là em ruột Kiên A) đến văn phòng T2, địa chỉ: số B đường Đ, phường G, quận N (nay là phường H) thành phố Hải Phòng để làm vi bằng. Tại đây, Kiên A và anh T có làm vi bằng mua bán nhà. Đồng thời anh T tiếp tục dùng số tài khoản 0837390390 mở tại Ngân hàng S mang tên VU CONG THANH chuyển số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng vào số tài khoản 91886868888 mở tại Ngân hàng Q1 mang tên PHAM KIEN ANH và giữ lại số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến khi Kiên A cung cấp được trích đo phường thì sẽ thanh toán hết. Sau khi nhận được tiền, Kiên A chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng Q1 đến số tài khoản 012947260 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q2 (V) cho anh Q số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là tiền công môi giới, rồi bàn giao chìa khoá nhà cho anh T.

Ngày 21/5/2025, biết việc mình bị Kiên A lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh T đã đến Phòng C Công an thành phố H để gửi đơn tố giác tội phạm. Ngày 16/9/2025, Phạm Kiên A đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành giám định chữ viết, chữ ký trên hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Kiên A và anh Vũ Công T và giấy uỷ quyền giữa bà N với Kiên A.

Tại Kết luận giám định số 1643/KL-KTHS ngày 18/7/2025 của Phòng C Công an thành phố H kết luận: “chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Kiên A tại mục “Đại diện bên A”, “ Bên được uỷ quyền”, “Chữ ký bên bán”, “Người tham gia”, “Bên nhận tiền”, “Bên chuyển nhượng”, “Bên giao” trên các mẫu cần giám định ký

hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký, chữ viết mang tên **Phạm Kiên A** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra”.

Tại Kết luận giám định số 1644/KL-KTHS ngày 18/7/2025 của **Phòng C Công an thành phố H** kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên **Nguyễn Thị N** tại mục “Bên ủy quyền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên **Nguyễn Thị N** trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký và viết ra.”.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo **Phạm Kiên A** đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại là anh **T** toàn bộ số tiền 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Anh **T** có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can **Kiên A**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng đã căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Phạm Kiên A** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt bị cáo **Phạm Kiên A** 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/9/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Phạm Kiên A** kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hình phạt áp dụng với bị cáo là quá nặng so với tính chất, mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Phạm Kiên A** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không giao nộp tài liệu chứng cứ mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Phạm Kiên A** với mức án 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là quá nặng so với tính chất, mức độ, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Phạm Kiên A** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Phạm Kiên A** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại với số tiền chiếm đoạt là 450.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội **Phạm Văn H** là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Bùi Thanh Bảo N1** trình bày căn nhà bị cáo dùng để bán cho bị hại do mẹ bị cáo đồng thời là mẹ chị **N1** đang quản lý và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Phạm Kiên A** với mức án 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Kiên A**.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phạm Kiên A** 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/9/2025.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Phạm Kiên A** không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 5 - Hải Phòng;
- TAND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

